

Bản án số: **364/2024/DS-PT**

Ngày: 09-7-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp QSD đất, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp QSD đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/3/2024, ngày 22/4/2024, ngày 22/5/2024, ngày 21/6/2024 và ngày 09/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp QSD đất, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp QSD đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K1;

Địa chỉ trụ sở: Số D, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức danh: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Danh T, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Khu vực - Phòng Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K1 (có mặt); Ông Phạm Đông X, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Khu vực - Phòng Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K1 và ông Trần Thanh V, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Khu vực - Phòng Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K1 (Theo Quyết định số: 510/QĐ-NHKL ngày 23/02/2024 về việc ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý nợ của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K1).

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (có mặt ngày 22/5/2024);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phạm Thiện B, sinh năm 1963 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ cư trú hiện nay: Số E, đường T, Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thiện B: Ông Ngô Quang T1, sinh năm 1971 (có mặt); Địa chỉ: Số C, đường T, Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/3/2024);

3.2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1967 (vắng mặt);

3.3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.4. Đỗ Văn A, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 trình bày:** Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 có vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (viết tắt là Ngân hàng K1 hay Ngân hàng) với số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013, mục đích vay sản xuất lúa và xây dựng chuồng trại. Ngân hàng đã giải ngân vốn ngày 23/5/2013, thời hạn vay 18 tháng, kể từ ngày ký nhận nợ lần đầu, lãi suất 1,4%/tháng, lãi cho vay được điều chỉnh 06 tháng 01 lần và được tính bằng tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150%, hình thức thanh toán lãi trả 03 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay của hợp đồng tín dụng ký ngày 22/5/2013 theo hợp đồng thế chấp ký ngày 22/5/2013. Quá trình thanh toán nợ, kể từ ngày nhận tiền vay cho đến nay bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1

không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng K1 khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 trả nợ cho Ngân hàng K1 tổng số tiền là 1.140.379.298 đồng, trong đó: nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 72.425.833 đồng, lãi quá hạn: 232.633.465 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 535.320.000 đồng (tạm tính đến ngày 13/01/2023) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Ngân hàng K1 yêu cầu xử lý, phát mãi tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 để thu hồi nợ, gồm có: Quyền sử dụng (QSD) đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3.034m² thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận QSD đất số BB086216, do UBND huyện H cấp ngày 24/02/2010, đứng tên hộ bà Nguyễn Thị L, tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (còn viết tắt Thửa 308) và QSD đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 9.042m² thuộc thửa số 310, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận QSD đất số BB086217, do UBND huyện H cấp ngày 24/02/2010, đứng tên hộ bà Nguyễn Thị L, tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (còn viết tắt Thửa 310).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Trước đây bà L và em của bà là ông Nguyễn Văn L1 có vay tiền của Ngân hàng K1 là 300.000.000 đồng, vay có thế chấp QSD đất do hộ bà L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, đất tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, đến nay chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì bà L cũng thống nhất trả nhưng do không có tiền, nên bà L xin trả phần gốc còn lãi xin không trả lãi. Hiện nay phần đất của bà L thế chấp cho Ngân hàng thì bà L đã bán (chuyển nhượng) cho ông B không nhớ họ diện tích là 02 công, bán cho ông M không nhớ họ nay ông M chết con ông là T2 không nhớ họ diện tích là 02 công, cố cho anh A không nhớ họ diện tích là 02 công, còn diện tích 02 công của ông P là do trước đây cha của bà L là ông Nguyễn Văn N đứng tên luôn chứ không phải của bà L.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Trước đây ông L1 có vay tiền của Ngân hàng K1 300.000.000 đồng, ông L1 và bà Nguyễn Thị L đứng vay, vay có thế chấp QSD đất do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, đất tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, đến nay chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông cũng thống nhất trả nhưng do hiện nay ông L1 chưa có khả năng trả nợ, khi nào có ông L1 sẽ trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thiện B có ông Ngô Quang Thế l người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên trước đây ông Nguyễn Văn N là cha của bà Nguyễn Thị L (hiện ông N đã chết) bán cho ông Đào Văn N1 phần diện tích đất ruộng 2.943m² tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng

Tháp, việc mua bán đất có làm giấy tay nhưng đã thất lạc không rõ và hiện nay ông N1 không còn ở địa phương. Đến ngày 15/9/1998, ông N1 bán lại phần đất này cho ông Lê Văn K, có làm giấy tay và hiện nay ông K đã chết. Vào ngày 24/12/2000, ông K cầm cố cho ông Bửu phần diện tích đất này với giá 28 chỉ vàng 24Kra và có làm giấy tay. Đến ngày 05/01/2002, ông K không chuộc lại đất mà bán đứt cho ông B với số vàng là 45 chỉ vàng 24Kra và có làm giấy tay chuyển nhượng QSD đất. Sau thời gian mua lại đất của ông K, ông B có đến nhà bà L đề nghị làm thủ tục chuyển nhượng, lúc đó bà L nói chờ trả tiền Ngân hàng sẽ chuyển nhượng phần đất này cho ông vì còn thế chấp Ngân hàng. Đồng thời, ông Nguyễn Văn L1 cũng có đến nhà gặp vợ ông B nói vợ chồng ông thông cảm chờ trả tiền Ngân hàng sẽ chuyển nhượng lại phần đất này. Kể từ khi ông N1 bán đất cho ông K và ông K cầm cố, bán lại cho ông B thì đều do ông Bửu trực canh. Nay ông B yêu cầu bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng phần diện tích đất 2.943m² (diện tích đất qua đo đạc thực tế là 3.271m²), đất tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp QSD đất giữa Ngân hàng với bà L và ông L1.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Â trình bày:** Vào năm 2015, anh có nhận cố của bà Nguyễn Thị L 02 công đất ruộng với số vàng là 25 chỉ vàng 24Kra 9999, thời hạn là đến năm 2017 nếu bà L không chuộc lại thì anh được tiếp tục làm. Nay, Ngân hàng khởi kiện bà L trong đó có phần đất mà anh Â đã nhận cố thì anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Â với bà L sẽ thỏa thuận sau.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:** Vào năm 1990-1991, ông P có mua của ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị N2 phần diện tích đất 2.925m² với giá 07 chỉ vàng 24Kra. Do khi đó ông P sống chung với cha mẹ nên cha ông P kêu ông nhập sổ đất mua vào chung của gia đình và do cha ông Nguyễn Văn N đứng tên. Sau đó, chị của ông P là bà L làm giấy chứng nhận QSD đất từ cha ông qua cho bà L và bà L thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền. Ông P yêu cầu bà L phải tách phần đất mà ông P đã mua ra.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2:** Không có ý kiến cũng như văn bản gửi Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 đối với Hợp đồng tín dụng số: MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 trả nợ cho Ngân hàng K1 tổng số tiền là 1.140.379.298đ (một tỷ một trăm bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm chín mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi trong hạn: 72.425.833đ (bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), lãi quá hạn: 232.633.465đ (hai trăm ba

mười hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng), tiền phạt chậm trả lãi: 535.320.000đ (năm trăm ba mươi lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), tạm tính đến ngày 13/01/2023 và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi tiếp tục từ ngày 14/01/2023 trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K1 về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đối với thửa đất số 310, tờ bản đồ số 5 (đất trồng lúa) tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đối với diện tích thửa đất số 308, tờ bản đồ số 5 (đất trồng lúa) có diện tích 3.034m² (qua đo đạc thực tế là 3.271m²), tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP K1 mà bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K1 được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo một phần Hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 đối với thửa đất số 310, tờ bản đồ số 5 (đất trồng lúa) tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp để thu hồi nợ vay.

Trong trường hợp, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đã trả hết nợ mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Ngân hàng TMCP K1 phải hoàn trả lại cho bên thế chấp là bà Nguyễn Thị L bản chính Giấy chứng nhận QSD đất hiện Ngân hàng đang giữ.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thiện Bửu . Buộc bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho ông Phạm Thiện Bửu p diện tích thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 5 (đất trồng lúa) có diện tích 3.034m² (qua đo đạc thực tế là 3.271m²), tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và Sơ đồ đo đạc số: TD9-2021 ngày 05/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký QSD đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng TMCP K1 5.818.000đ (năm triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

6. Về án phí sơ thẩm:

6.1. Ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 23.105.000đ (hai mươi ba triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

6.2. Bà Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí.

6.3. Ngân hàng TMCP K1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.024.000đ (mười tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số BH/2018/0000923 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

6.4. Ông Phạm Thiện B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.714.000đ (bốn triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng), theo các biên lai thu tạm ứng án phí số BH/2018/0001331 ngày 02/7/2020 và 0003833 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 18/01/2023 nguyên đơn Ngân hàng TMCP K1 không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết bao gồm: Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; Công nhận hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 là hợp pháp và chấp nhận yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu nợ theo hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 đã được công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K1 trình bày: Ngân hàng K1 đính chính lại Bảng kê tính lãi, tiền phạt và vốn vay khách hàng: Nguyễn Thị L, HĐ số: MT0053/HĐTD ngày 13/01/2023 (Bút lục 337) đã nộp cho Tòa án sơ thẩm bằng Bảng kê tính lãi, tiền phạt và vốn vay khách hàng: Nguyễn Thị L, HĐ số: MT0053/HĐTD ngày 09/7/2024, theo đó số tiền vay bà L, ông L1 còn nợ Ngân hàng K1 tạm tính đến ngày 13/01/2023 được đính chính lại là: Lãi quá hạn là 535.320.000 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 232.633.465 đồng. Ngân hàng K1 xin rút toàn bộ số tiền phạt chậm trả lãi 232.633.465 đồng. Vì vậy, Ngân hàng K1 thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng K1 tổng số tiền vay còn nợ là 907.745.833 đồng, trong đó: nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn là 72.425.833 đồng, lãi quá hạn là 535.320.000 đồng (tạm tính đến ngày 13/01/2023) và bà L, ông L1 có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 14/01/2023 đến khi trả xong nợ như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013, thống nhất miễn số tiền phạt chậm trả lãi là 232.633.465 đồng cho bà L và ông L1. Đồng thời yêu cầu xử lý, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số:

MT0053/HĐTC ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 để thu hồi nợ, do việc nhận thế chấp của Ngân hàng là ngay tình và đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo, Ngân hàng K1 chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án sơ thẩm công nhận Hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 là hợp pháp và chấp nhận yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp gồm thửa 308 và thửa 310, do Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận hiệu lực Hợp đồng thế chấp đối với thửa 310, nên chỉ yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận hiệu lực Hợp đồng thế chấp đối với thửa 310, đồng thời không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thiện Bửu. Ngân hàng K1 xin rút lại kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Căn cứ kháng cáo là: Hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 đã được công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định, Ngân hàng có thẩm định tài sản khi ký kết Hợp đồng thế chấp được thể hiện theo Biên bản kiểm định tài sản ngày 22/5/2013.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thiện B có ông Ngô Quang Thế l người đại diện theo ủy quyền trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thiện B, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng K1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi lẽ, ông B đã trực canh đất tranh chấp thửa 308 từ năm 2000 cho đến nay đã trên 20 năm. Nguồn gốc đất thửa 308 là của cha bà L là ông Nguyễn Văn N đã chuyển nhượng (bán) cho ông Đào Văn N1, việc chuyển nhượng đất có làm giấy tay nhưng đã thất lạc. Đến ngày 15/9/1998, ông N1 làm giấy tay chuyển nhượng phần đất này (2,3 công tầm cắt) lại cho ông Lê Văn K. Vào ngày 24/12/2000, ông K làm giấy tay cầm cố cho ông B diện tích đất 2,9 công tầm điền (tương đương 2.900m²) và đến ngày 05/01/2002, ông K không chuộc lại đất mà làm giấy tay bán đứt cho ông B với số vàng là 45 chỉ vàng 24Kra theo Tờ chuyển nhượng QSD đất ruộng ngày 05/01/2002. Hiện nay bà L và các anh em của bà L như ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn P và vợ ông P là bà Nguyễn Thị D đã thống nhất chuyển nhượng thửa 308 cho ông B. Đối với diện tích đất dư 371m² như trình bày của bà L tại Tòa án phúc thẩm là cha bà chỉ bán diện tích đất 2.900m² (diện tích thực đo thửa 308 là 3.271m² – 2.900m²) thì ông B sẽ tự thỏa thuận với bà L.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L thống nhất trình bày của ông Ngô Quang Thế l người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thiện B, do trước đây Thửa 308 là của cha bà L là ông Nguyễn Văn N đã bán (chuyển nhượng) 2,9 công đất tương đương diện tích 2.900m² cho ông N1, sau đó ông N1 đã bán đất này lại cho ông K, tiếp đến ông K đã cầm cố và bán đất này lại cho ông B sử dụng cho đến nay. Bà L thống nhất chuyển nhượng thửa 308 lại cho ông B mà trước đây cha bà L đã bán đất, đối với diện tích đất thừa 371m² của thửa 308 thống nhất tự

thỏa thuận với ông B. Bà L xác định khi Ngân hàng nhận thế chấp thửa 308 để cho bà L và ông L1 vay vốn thì không có thẩm định tại chỗ mà chỉ thẩm định giấy chứng nhận QSD đất do bà L đứng tên để cho vay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP K1; tuyên xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và công nhận việc rút toàn bộ số tiền phạt chậm trả lãi như nêu trên là 232.633.465 đồng tại phiên tòa phúc thẩm, đình chỉ yêu cầu này của Ngân hàng K1 (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 221/PB-VKS-DS ngày 09/7/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp QSD đất, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp QSD đất*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP K1 không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc Ngân hàng TMCP K1 nộp đơn kháng cáo vào ngày 18/01/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T2 và ông Đỗ Văn A vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, còn bà Nguyễn Thị L có mặt ngày 22/5/2024, vắng mặt ngày 27/3/2024, ngày 22/4/2024, ngày 21/6/2024 và ngày 09/7/2024. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L1 ký kết Hợp đồng

tín dụng số: MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013 với Ngân hàng TMCP K1 để vay số tiền 300.000.000 đồng. Để bảo đảm khoản vay bà L, ông L1 ký hợp đồng thế chấp ngày 22/5/2013 với Ngân hàng K1, tài sản thế chấp là thửa 308 và thửa 310. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L và ông L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn Ngân hàng K1 khởi kiện buộc bà L và ông L1 trả nợ vay cho Ngân hàng K1 và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo (tài sản thế chấp) trong trường hợp ông L1, bà L không trả hoặc không trả đủ nợ. Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 thống nhất có vay tiền của Ngân hàng K1, thống nhất trả nợ vay nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ, yêu cầu được trả nợ gốc và xin nợ lãi. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thiện B yêu cầu độc lập buộc bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng đất thửa 308 cho ông B và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp QSD đất giữa Ngân hàng với Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L2. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K1 về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp) đối với thửa đất số 310, tuyên bố vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp đối với thửa đất số 308 và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thiện B là có cơ sở. Bởi các lẽ như sau:

- Khi thực hiện ký kết Hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng K1 chỉ căn cứ trên giấy chứng nhận QSD đất mà Ngân hàng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, không xem xét, thẩm định tài sản đầy đủ, để đảm bảo tài sản không tranh chấp, không liên quan đến người thứ ba, trong trường hợp có người thứ ba đang trực tiếp canh tác đất và có tài sản của họ trên đất thì xác định họ có thống nhất để cho bà L thế chấp QSD đất để bảo đảm cho khoản vay của ông L1, bà L hay không. Mặc dù, Ngân hàng K1 có lập Biên bản kiểm định tài sản ngày 22/5/2013 để thẩm định giá đất thửa 308 nhưng được thực hiện tại trụ sở Ngân hàng, Ngân hàng K1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thẩm định thực địa tại đất thửa 308, Biên bản ngày 22/5/2013 không thể hiện sự đồng ý của ông B là người đang trực canh và có tài sản trên đất. Cho thấy Ngân hàng cũng có lỗi trong việc dẫn đến Hợp đồng thế chấp ngày 22/5/2013 vô hiệu một phần đối với Thửa 308. Đối với lời khai anh Dương Minh T4 là cán bộ tín dụng cho rằng có ký tên vào Biên bản kiểm định tài sản ngày 22/5/2013, tuy nhiên do thời điểm này không bắt buộc phải ghi tọa độ vị trí, hình ảnh thửa đất như ngày nay, vì vậy anh T4 chỉ hỏi bà L mà không lập Biên bản ghi nhận ý kiến của người đang trực tiếp canh tác, cũng như xác nhận của chính quyền địa phương về đất không tranh chấp, còn thuộc quyền quản lý, sử dụng thực tế của hộ bà Nguyễn Thị L hay không?. Đối với lời khai của bà Nguyễn Thị L theo Văn bản ý kiến ngày 25/3/2024

thể hiện khi bà L thế chấp QSD đất để vay tiền Ngân hàng K1 thì Ngân hàng không có yêu cầu thẩm định nơi có đất thửa 308, chỉ yêu cầu đưa giấy chứng nhận QSD đất để làm thủ tục thế chấp. Nên việc Ngân hàng K1 cho rằng có đến đất thẩm định là không có cơ sở.

- Trên thực tế đất tranh chấp thửa 308 từ trước năm 1998 đã không thuộc QSD của cha bà L là cụ Nguyễn Văn N mà đã chuyển nhượng cho ông Đào Văn N1, đến ngày 15/9/1998 thì ông N1 chuyển nhượng lại phần đất này cho ông Lê Văn K và từ ngày 24/12/2000, phần đất này ông Phạm Thiện B đã nhận cầm cố để sử dụng đất, sau đó do không có điều kiện chuộc lại đất nên ông K đã chuyển nhượng đất lại cho ông B, việc này đã được bà L và các anh em bà L là ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn L1 và vợ ông P là bà Nguyễn Thị D thừa nhận và đồng ý tiếp tục chuyển nhượng đất thửa 308 cho ông B (Theo Tờ xác nhận ngày 17/5/2024 của ông P, bà D và T5 xác nhận ngày 15/5/2024 của ông L1). Cho thấy, việc nhận thế chấp tài sản của Ngân hàng đã không được thực hiện đúng quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Như vậy, Hợp đồng thế chấp đã bị vô hiệu đối với Thửa 308 đã chuyển nhượng cho ông B, vì ông B đã sử dụng đất thửa 308 từ năm 2000 trước khi Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp với bà L, ông L1, mặt khác ông B đã sử dụng đất ổn định, lâu dài trên 20 năm được gia đình bà L thừa nhận, mặc dù không đảm bảo về hình thức hợp đồng chuyển nhượng QSD đất do các bên chỉ lập bằng văn bản (giấy tay) không có công chứng hay chứng thực theo quy định pháp luật, nhưng trên thực tế các bên đã giao nhận tiền và đã giao đất, nên công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thửa 308 từ cụ N sang ông N1, từ ông N1 sang ông K và từ ông K sang ông B là phù hợp Điều 129 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nên việc Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đối với QSD đất thửa 310, hủy một phần Hợp đồng thế chấp đối với thửa 308 và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thiện B là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP K1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ngân hàng TMCP K1 yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng K1 công nhận hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 là hợp pháp và chấp nhận yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp gồm cả thửa 308 để thu hồi nợ trong trường hợp ông L1, bà L không trả hoặc không trả đủ nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của anh T đại diện hợp pháp của nguyên đơn là không có đủ căn cứ, đồng thời Ngân hàng TMCP K1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng K1 thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 trả nợ vay cho Ngân hàng K1 tổng số tiền là 907.745.833 đồng, trong đó: nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn là 72.425.833 đồng, lãi quá hạn là 535.320.000 đồng (tạm tính đến ngày 13/01/2023), thống nhất không yêu cầu (miễn) tiền phạt chậm trả lãi là 232.633.465 đồng và bà L, ông L1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi tiếp tục từ ngày 14/01/2023 trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, nên công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn như nêu trên là phù hợp.

[6] Tại phiên tòa bà L thống nhất cùng các anh em bà là ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn L1 và vợ ông P là bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ chuyển nhượng QSD đất thửa 308 cho ông Phạm Thiện Bửu . Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP K1, tuy nhiên cần sửa bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện của đương sự như nêu trên và điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[8] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là không có đủ cơ sở như đã phân tích trên, nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do án sơ thẩm bị sửa, nên Ngân hàng TMCP K1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP K1;

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo sự tự nguyện của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Áp dụng khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 144, 147, 148, 157, 227, 228, 273 và 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 129, 317, 325, 407, 463, 466, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 2 của Điều 106, Điều 203 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1

Điều 12, các khoản 2, 6 Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K1 đối với Hợp đồng tín dụng số: MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 trả nợ vay cho Ngân hàng K1 tổng số tiền là 907.745.833 đồng, trong đó: nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 72.425.833 đồng, lãi quá hạn 535.320.000 đồng (tạm tính đến ngày 13/01/2023). Bà L, ông L1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi tiếp tục từ ngày 14/01/2023 trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số MT0053/HĐTD ngày 22/5/2013 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Chấp nhận việc Ngân hàng K1 thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 232.633.465 đồng.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K1 về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đối với thửa đất số 310, tờ bản đồ số 5 (đất chuyên trồng lúa nước) tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đối với diện tích thửa đất số 308, tờ bản đồ số 5 (đất chuyên trồng lúa nước) có diện tích 3.034m² (qua đo đạc thực tế là 3.271m²), tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP K1 mà bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K1 được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo một phần Hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 đối với thửa đất số 310, tờ bản đồ số 5 (đất chuyên trồng lúa nước) tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp để thu hồi nợ vay.

Trong trường hợp, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đã trả hết nợ mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Ngân hàng TMCP K1 phải hoàn trả lại cho bên thế chấp là bà Nguyễn Thị L bản chính Giấy chứng nhận QSD đất hiện Ngân hàng đang giữ.

2.4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thiện Bửu .

Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L về việc bà L cùng thành viên hộ bà L có nghĩa vụ chuyển nhượng cho ông Phạm Thiện Bửu p diện tích thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 5 (đất chuyên trồng lúa nước), diện tích 3.034m² (diện tích đo đạc thực tế là 3.271m² trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 05/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H), đất tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và Sơ đồ đo đạc ngày 05/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.

Ngân hàng TMCP K1 có nghĩa vụ giải chấp đối với diện tích thửa đất số 308, tờ bản đồ số 5 (đất chuyên trồng lúa nước)) có diện tích 3.034m² (qua đo đạc thực tế là 3.271m²), tọa lạc tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng thế chấp số: MT0053/HĐTC ký ngày 22/5/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký QSD đất theo quy định của pháp luật.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng TMCP K1 5.818.000đ (năm triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 19.616.000đ (mười chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP K1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.024.000đ (mười tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0000923 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Phạm Thiện B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.714.000đ (bốn triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng), theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0001331 ngày 02/7/2020 và số 0003833 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP K1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004239, ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi